

Bản án số: 43/2018/HSST
Ngày: 14-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi
Ông Trần Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Văn Kim Thái Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/HSST-QĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/HSST-QĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/HSST-QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU T (Út), sinh năm: 1983 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp HQ, xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm hồ; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Hồ Thị X, sinh năm 1948; Vợ: Võ Thị L, sinh năm 1984; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/11/2017; Tạm giam từ ngày 07/11/2017 đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Đặng Thị L, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: Số 39/21, ấp LV, xã LT, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Văn K, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: ấp PKA, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T và Đặng Thị L quen nhau qua mạng xã hội Zalo. Khoảng 15 giờ ngày 03/11/2017, T hẹn gặp L tại huyện B, tỉnh Long An. Khi gặp nhau, T nói dối với L là ngày hôm sau tại nhà T ở gần Chợ đêm Bến Tre có đám giỗ và rủ L cùng đi thì L đồng ý và giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52 của L cho T điều khiển chở L về Bến Tre. Khi về đến T phố Bến Tre, T và L thuê phòng tại nhà nghỉ HQ ở xã M, thành phố B để nghỉ. Tại đây, T phát hiện trong ba lô của L có nhiều tài sản nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản này cùng xe mô tô biển số 71C4 – 051.52 của L. Để thực hiện ý định, nhân lúc L không để ý, T đã xóa số điện thoại và tắt cả tin nhắn, cuộc gọi giữa T và L trong điện thoại của L để sau khi chiếm đoạt được tài sản thì L không liên lạc được với T. Đến sáng ngày 04/11/2017, T sử dụng xe mô tô biển số 71C4 – 051.52 chở L đi Chợ Phường B, thành phố B. Khi đến Chợ Phường B, T chủ động đem xe mô tô biển số 71C4 – 051.52 của L đi gửi, giữ thẻ gửi xe và chìa khóa xe; đồng thời kêu L đưa ba lô (bên trong có 01 bóp da nữ đựng 03 nhẫn vàng 24K, tổng trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,1 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ; 01 nhẫn (cà – rá) hột trắng vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 01 nhẫn (cà – rá) hột xanh vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 02 vòng đeo tay vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 5 phân 08 ly và 01 túi vải bên trong có tiền Việt Nam 5.814.000 đồng, 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng Agribank cùng một số giấy tờ khác) cho T giữ. Vì tin tưởng T nên L đã giao ba lô cùng các tài sản có trong ba lô cho T giữ. Trong lúc L đang mua trái cây thì T nói dối là đi mua bông rồi ra lấy xe mô tô biển số 71C4 – 051.52 và mang theo ba lô cùng tài sản của L bỏ trốn. Trên đường đi, T đến Tiệm vàng VK ở ấp PKA, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang bán cho anh Lê Văn K toàn bộ số vàng được 18.254.000 đồng. Số tiền này cùng với số tài sản khác T để vào cốp xe mô tô biển số 71C4 - 051.52 vừa chiếm đoạt được của L rồi đem về cất giấu tại nhà của T ở ấp HQ, xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đó thì hành vi của T bị phát hiện. Qua làm việc T đã khai nhận toàn bộ sự việc và chỉ chỗ cất giấu tài sản chiếm đoạt của L cho lực lượng công an thu giữ.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52, số khung 304CY-063673, số máy F33E-0063737.
- Tiền Việt Nam: 24.068.000 đồng;
- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị L;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C4 – 051.52 mang tên Đặng Thị D;

- 01 ba lô màu đen, hiệu X – men;

- 01 túi vải màu xanh bên trong có 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng AgriBank mang tên Đặng Thị L;

- 01 bóp da nữ, màu xám bên trong có Giấy phép lái xe mang tên Đặng Thị L;

- 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Hữu T;

- 01 điện thoại di động hiệu TK Mobil, số Imei 1: 355016051338272, số Emei 2: 355016051338280;

- 01 bóp da nam, màu đen bên trong có tiền Việt Nam 1.880.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số 1130 ngày 15/11/2017 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre, kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52 trị giá ngày 04/11/2017 là 21.000.000 đồng.

- 01 ba lô màu đỏ - đen, hiệu X – men, trị giá ngày 04/11/2017 là 30.000 đồng.

- 01 túi vải màu xanh, trị giá ngày 04/11/2017 là 45.000 đồng.

- 01 bóp da nữ, màu xám, trị giá ngày 04/11/2017 là 25.000 đồng.

- 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 2.548.000 đồng, giá bán 2.688.000 đồng.

- 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,1 chỉ, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 2.802.800 đồng, giá bán 2.956.800 đồng.

- 01 lắc đeo tay vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 3.312.400 đồng, giá bán 3.494.400 đồng.

- 01 nhẫn (cà – rá) hột xanh vàng 18K, trọng lượng 03 phân, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 764.400 đồng, giá bán 806.400 đồng.

- 01 nhẫn (cà – rá) hột trắng vàng 18K, trọng lượng 03 phân, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 764.400 đồng, giá bán 806.400 đồng.

- 02 vòng đeo tay vàng 18K, tổng trọng lượng 02 chỉ 5 phân 08 ly, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 6.573.840 đồng, giá bán 6.935.040 đồng.

- 03 nhẫn vàng 24K, tổng trọng lượng 02 chỉ, trị giá ngày 04/11/2017: giá mua 7.020.000 đồng, giá bán 7.120.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số 08 ngày 20/3/2018 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52 trị giá ngày 04/11/2017 là 14.500.000 đồng

Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của bị hại L là 44.199.840 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/KSĐT-KT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do sau khi định giá lại tài sản xác định tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 50.000.000 đồng nên thay đổi truy tố bị cáo sang khung hình phạt nhẹ hơn. Đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Đặng Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52; 01 ba lô màu đỏ - đen, hiệu X – men; 01 túi vải màu xanh; 01 bóp da nữ, màu xám; 01 Giấy CMND mang tên Đặng Thị L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C4 – 051.52; 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng AgriBank và tiền Việt Nam 5.814.000 đồng; đồng thời bị hại L đã đồng ý nhận số tiền 18.254.000 đồng do bị cáo T bán số vàng chiếm đoạt của L mà có và không yêu cầu gì thêm. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T: 01 (một) bóp da nam, 01 (một) điện thoại di động hiệu TK mobil, số IMEI 1: 355016051338272, số IMEI 2: 355016051338280 và số tiền 1.880.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Bị cáo Nguyễn Hữu T có lời khai tại phiên tòa là vào ngày 04/11/2017, tại Phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại Đặng Thị L 01 xe mô tô, loại Vison, biển số 71C4 - 051.52; 01 ba lô; 01 bóp da nữ; 01 túi vải; 03 nhẫn vàng 24K, tổng trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,1 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ; 01 nhẫn (cà – rá) hột trắng vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 01 nhẫn (cà – rá) hột xanh vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 02 vòng đeo tay vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 5 phân 08 ly và tiền Việt Nam là 5.814.000 đồng cùng một số giấy tờ khác. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại L, bị cáo đã đem toàn bộ số vàng bán cho anh Lê Văn K được 18.254.000 đồng và đem về nhà cất giấu cùng số tài sản còn lại, sau đó thì hành vi của bị cáo bị phát hiện và bị cáo chỉ nơi cất giữ tài sản để lực lượng Công an thu giữ. Bị cáo đã được

thông báo kết quả định giá lại tài sản đối với chiếc xe mô tô hiệu Vison; Bị cáo đồng ý và không có khiếu nại gì khác. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo thừa nhận đêm 03/11/2017, bị cáo cùng chị L thuê phòng trọ tại nhà trọ HQ, bị cáo phát hiện chị L có mang theo nhiều tiền và vàng nên bị cáo nảy sinh ý thức chiếm đoạt tài sản của chị L. Sáng ngày 04/11/2017, bị cáo nói dối với chị L, chị L tin đó là sự thật đã giao hết tài sản cho bị cáo quản lý. Sau khi nhận được tài sản đó, bị cáo đã trốn chị L đi nhằm chiếm đoạt số tài sản gồm: 01 xe mô tô, loại Vison, biển số 71C4 - 051.52; 01 ba lô; 01 bóp da nữ; 01 túi vải; 03 nhẫn vàng 24K, tổng trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,1 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ; 01 nhẫn (cà – rá) hột trắng vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 01 nhẫn (cà – rá) hột xanh vàng 18K, trọng lượng 03 phân; 02 vòng đeo tay vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 5 phân 08 ly và tiền Việt Nam là 5.814.000 đồng. Theo kết quả định giá tài sản xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại L là 44.199.840 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ thu được trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại Đặng Thị L giá trị tài sản là 44.199.840 đồng. Bị cáo T khi thực hiện hành vi đã có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận biết được hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Như vậy, bị cáo T đã phạm vào tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Mặc dù nhân thân được xác định chưa có tiền án tiền sự, song qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Đặng Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52; 01 ba lô màu đỏ - đen, hiệu X – men; 01 túi vải màu xanh; 01 bóp da nữ, màu xám; 01 Giấy CMND mang tên Đặng Thị L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C4 – 051.52; 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng AgriBank và tiền Việt Nam 5.814.000 đồng; đồng thời bị hại L đã đồng ý nhận số tiền 18.254.000 đồng do bị cáo bán số vàng chiếm đoạt của bị hại L mà có và không yêu cầu gì thêm.

[6] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Đặng Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52; 01 ba lô màu đỏ - đen, hiệu X – men; 01 túi vải màu xanh; 01 bóp da nữ, màu xám; 01 Giấy CMND mang tên Đặng Thị L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C4 – 051.52; 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng AgriBank và tiền Việt Nam 5.814.000 đồng và trả cho bị cáo T 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Hữu T.

Đối với 01 bóp da nam, 01 điện thoại di động hiệu TK mobil và số tiền 1.880.000 đồng hiện đang thu giữ là tài sản của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều luật của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với hành vi của Lê Văn K khi mua vàng do bị cáo T bán không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T (Út) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 319 và 325 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2017.

2. Áp dụng 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Đặng Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52; 01 ba lô màu đỏ - đen, hiệu X – men; 01 túi vải màu xanh; 01 bóp da nữ, màu xám; 01 Giấy CMND mang tên Đặng Thị L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C4 – 051.52; 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng AgriBank và tiền Việt Nam 5.814.000 đồng và trả cho bị cáo T 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Hữu T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T: 01 (một) bóp da nam, 01 (một) điện thoại di động hiệu TK mobil, số IMEI 1: 355016051338272, số IMEI 2: 355016051338280 và số tiền 1.880.000 (một triệu, tám trăm, tám mươi ngàn) đồng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự T phố Bến Tre quản lý)

3. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

Ghi nhận bị hại Đặng Thị L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, biển số 71C4 – 051.52; 01 ba lô màu đỏ - đen, hiệu X – men; 01 túi vải màu xanh; 01 bóp da nữ, màu xám; 01 Giấy CMND mang tên Đặng Thị L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C4 – 051.52; 03 sổ tiết kiệm của Ngân hàng AgriBank và tiền Việt Nam 5.814.000 đồng; đồng thời bị hại L đã đồng ý nhận số tiền 18.254.000 đồng do bị cáo bán số vàng chiếm đoạt của bị hại L mà có và không yêu cầu gì thêm.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã HT, huyện C, tỉnh Tiền Giang (1b);
- Bị cáo, bị hại và NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình

